

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/HSST

Ngày 16/11/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bào.

2. Ông Lê Thanh Miện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga – thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 95/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2023, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/HSST ngày 03/11/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị H**, Tên gọi khác: Không; Sinh 1990; Giới tính: Nữ.

Nơi thường trú: N, L, thành phố T, Thái Nguyên

Nơi ở hiện tại: xóm T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hoá: không biết chữ; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không;

Họ tên bố: Trần Văn L, đã chết; Họ tên mẹ: Dương Thị N, sinh năm 1964; Chồng: Chưa có; Con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2012;

Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai;

Tiền án, tiền sự, nhân thân: không;

Bị cáo đầu thú, tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2023. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H (có mặt).

*** Bị hại:** Chị Dương Thị C, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Trú tại: thôn N, xã Ng, huyện H, tỉnh Bắc Giang

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Bùi Mạnh T, sinh năm 1982 (Có mặt)

Trú tại: xóm T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Trú tại: Phố C, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 05/9/2023, Trần Thị H mượn xe mô tô biển kiểm soát 20G1-530.90 của anh Bùi Mạnh T, sinh năm 1982; trú tại: xóm T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (anh T và H Chung sống với nhau như vợ chồng tại nhà anh T) đi từ huyện P, tỉnh Thái Nguyên đến huyện H mục đích tìm người nào có điện thoại di động để sơ hở thì chiếm đoạt. Đến khoảng gần 18 giờ cùng ngày, H điều khiển xe đi đến quán cắt tóc Quân Chung của gia đình chị Dương Thị C, sinh năm 1990 ở thôn N, xã Ng, huyện Hiệp Hòa. H quan sát thấy quán không có khách nên đã thực hiện ý định vào quán của chị C để chiếm đoạt điện thoại. H điều khiển xe mô tô rẽ vào cửa quán và quay đầu xe mô tô hướng ra ngoài đường, chìa khoá vẫn cắm ở ổ khoá điện của xe rồi đi vào trong quán. Lúc này, chị C từ bếp đi ra, hỏi H đến làm gì thì H trả lời “Em cắt và nhuộm tóc”. Sau đó, H cởi áo chống nắng và ngồi vào ghế để chuẩn bị nhuộm tóc. Khi chị C tư vấn màu tóc cho H thì H bảo chị C chỉ nhuộm tóc, chứ không cắt. Quá trình nhuộm tóc, H làm quen và nói chuyện với chị C. Trong khi chờ thuốc nhuộm ngấm (khoảng 01 tiếng đồng hồ) thì H lấy điện thoại của mình ra và gọi cho anh T (gọi facetime), anh T hỏi H đang ở đâu thì H trả lời đang nhuộm tóc ở gần ngã ba đèn xanh đỏ, chị C nhìn hình ảnh anh T qua điện thoại và nói xen vào là ở gần trường cấp hai xã Ng, anh T bảo H về nấu cơm rồi ngắt cuộc gọi. Để tạo lòng tin với chị C, H sử dụng điện thoại của H giả vờ nhắn tin, gọi điện cho anh T, đồng thời nói dối chị C là H nhắn tin, gọi điện cho chồng nhưng chồng không trả lời. H nói với chị C “Bây giờ em điện thoại cho chồng em không nghe máy để em bảo chồng em cấm cơm, em làm tóc lâu về muộn quá, chị cho em mượn điện thoại em gọi cho chồng em, biết đâu số lạ anh đó lại nghe”. Chị C đi sang nhà ở của mình (nhà ở liền với quán) lấy chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu vàng gold số Imei: 354835090392110 cầm sang quán, H thấy chị C sang thì đứng dậy ra gần chỗ chị H để nhìn mặt khẩu. Chị C mở mặt khẩu và đưa điện thoại cho H, H giả vờ ấn số gọi rồi nói với chị C là không ai nghe máy. Do điện thoại của chị C có mặt khẩu nên H bảo chị C cho mượn điện thoại 5-6 lần mục đích để nhìn mặt khẩu, nhưng do chị C thao tác mở mặt khẩu nhanh nên H không nhìn được. Sau đó, H lại bảo chị C cho mượn điện thoại để gọi cho con, lần này H cầm điện thoại và đi ra cửa quán. Chị C đi theo, H giả vờ nói vào điện thoại: “Bố mày đâu, bảo bố mày nghe máy tao bảo cái này”. Chị C bảo H vào trong quán ngồi để kiểm tra màu tóc, chị C kiểm tra tóc và bảo gọi được rồi. H lại bảo chị C “Chị mở mặt mã em gọi nốt cuộc này sau em vào gọi”, Chị C mở mặt khẩu và đưa điện thoại cho H, H giả vờ ấn số và đứng dậy đi ra cửa, chị C đi theo phía sau. Do thấy chị C đi theo nên H bảo chị C cho H ngồi lên xe máy, nổ máy để cho chồng nghe thấy tiếng xe và nghĩ H đang về, chị C gạt đầu đồng ý. H ngồi lên xe mô tô nổ máy và

giả vờ nói “A lô, em đây về rồi đây, anh nghe thấy tiếng xe không” rồi H điều khiển xe đi từ trên hành lang xuống đường, chị C đi theo phía sau. Khi xuống đến đường H bảo chị C “Cho em đi ra đường một tý”, chị C gật đầu đồng ý. H điều khiển xe đi ra đường hướng từ Tân Yên đi ngã ba Trại Cờ, chị C đi theo ra đường nhìn theo H. Khi H điều khiển xe cách chị C khoảng 20 mét thì tăng ga bỏ chạy. Chị C hô hoán và nhờ người đuổi theo nhưng không kịp. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại của chị C, H mang chiếc điện thoại đến quán mua bán, sửa chữa điện thoại của anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1992 ở Phố C, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên nhờ anh N mở mặt khẩu của điện thoại nhưng không mở được nên H bán điện thoại cho anh N được 800.000đồng, H đã chi tiêu hết 650.000đồng.

Ngay sau khi bị chiếm đoạt chiếc điện thoại, chị Dương Thị C đã trình báo Công an xã Ng, huyện Hiệp Hòa. Ngày 08/9/2023, H đến Công an xã Ng đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình, đồng thời H gia nộp: 01 xe mô tô biển kiểm soát 20G1-530.90, đã qua sử dụng; 01 căn cước công dân số 019190011775, cấp ngày 17/8/2021; 01 mũ bảo hiểm, loại mũ nửa đầu, màu đỏ, chữ và số màu trắng; số tiền 150.000 đồng.

Ngày 08/9/2023, anh Nguyễn Văn N đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 mua của H tối ngày 05/9/2023; 01 đĩa DVD-R bên trong có chứa dữ liệu gồm 02 đoạn clip được trích xuất từ camera an ninh của gia đình anh N; 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1748007108.

Ngày 13/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã cho chị C nhận dạng ảnh người đã chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 của chị tối ngày 05/9/2023. Kết quả chị C nhận dạng được H là người đã chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị.

Tại Kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐĐGTS ngày 12/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hiệp Hòa, kết luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus, màu vàng gold đã qua sử dụng có giá 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Ngày 03/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã cho Trần Thị H thực nghiệm lại hành vi phạm tội của mình. Kết quả thực nghiệm phù hợp với lời khai của bị cáo, của bị hại và các chứng cứ khác.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã cho Trần Thị H xem lại đoạn clip anh N giao nộp. Kết quả H khẳng định người phụ nữ đến cửa hàng của anh N bán điện thoại ngày 05/9/2023 là H.

Tại Bản cáo trạng số 99/CT-VKS ngày 29 tháng 10 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố đối với Trần Thị H về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Trần Thị H thừa nhận toàn bộ nội dung và diễn biến hành vi phạm tội như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà đã truy tố.

Tại phiên tòa hôm nay anh T có mặt trình bày: Buổi chiều ngày 05/9/2023 chị H có gọi điện cho anh một lần nói là đang đi gọi đầu, ngoài ra chị H không gọi cho anh lần nào khác nữa. Khi chị H về chị H không nói gì cho anh biết về việc chị đã làm những gì chỉ khi đến ngày 08/9/2023 công an đến nhà anh thì lúc đó anh mới biết chị H vi phạm pháp luật. Khi chị H đến công an huyện để đầu thú thì chị H có bảo với anh là bồi thường cho chị C tiền gọi đầu và bồi thường cho anh N tiền bán chiếc điện thoại. Nay anh đã bồi thường hết cho chị C và anh N. Nay anh không có yêu cầu chị H phải trả lại anh số tiền trên.

Bị hại là chị C và người liên quan là anh N trong quá trình điều tra đã trình bày rõ về hành vi phạm tội của bị cáo, về dân sự gia đình bị cáo đã bồi thường xong và không có yêu cầu gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Sau khi kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm về tội danh và điều khoản mà cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị H từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 08/9/2023.

*Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân mang tên Trần Thị H và số tiền 150.000 đồng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo chống nắng chùm đầu, có khóa kéo bằng nhựa, trên áo có chữ GLICCI, phần lách áo 2 bên bị rách (đã được niêm phong)

*Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của đại diện Viện kiểm soát và nói lời sau cùng: Xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Hòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên đã có đầy đủ lời khai của họ trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[3] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Thị H có mặt cũng đã hoàn toàn khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với hành vi phạm tội, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác do Cơ quan điều tra thu thập, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 05/9/2023, tại gia đình chị Dương Thị C, sinh năm 1990 ở thôn N, xã Ng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, Trần Thị H, sinh năm 1990 ở Xóm N, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đã có hành vi cướp giật của chị Dương Thị C 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu vàng gold trị giá 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Thị H phạm tội “Cướp giật tài sản”, như bản cáo trạng đã truy tố theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự ở địa phương, gây nên sự Hng mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng lười lao động muốn hưởng lợi trên thành quả lao động của người khác, điều đó chứng tỏ bị cáo là con người xem thường pháp luật.

[5] Xét về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã đến cơ quan công an đầu thú, đồng thời tác động gia đình để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại và người liên quan, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[6] Căn cứ vào mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy

cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian bằng hình phạt tù có thời hạn, mới có tác dụng răn đe giáo dục đối với bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa C trong xã hội. Cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra anh Bùi Mạnh T, sinh năm 1982 ở xóm T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đã tự nguyện bồi thường cho chị Dương Thị C 300.000 đồng; bồi thường cho anh Nguyễn Văn N 1.000.000 đồng. Chị C và anh N không có yêu cầu gì về dân sự, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 20G1-530.90 là của anh Bùi Mạnh T cho H mượn, anh T không biết H sử dụng làm phương tiện đi phạm tội; chiếc điện thoại di động Iphone 8 Plus, màu vàng gold là của chị Dương Thị C. Ngày 06/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã xử lý vật chứng trả lại anh T và Chị C.

Đối với 01 căn cước công dân mang tên Trần Thị H và số tiền 150.000 đồng, cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 áo chống nắng chùm đầu, có khóa kéo bằng nhựa, trên áo có chữ GLICCI, phần lách áo 2 bên bị rách (đã được niêm phong), không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với anh Nguyễn Văn N là người đã mua chiếc điện thoại di động của H nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không vi phạm pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Thị H chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Trần Thị H**: 01 (Một) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 08/9/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân số: 019190011775, cấp ngày 17/8/2021 mang tên Trần Thị H và số tiền 150.000 đồng, tiền đã được chuyển vào tài khoản Chi cục thi hành án dân sự Hiệp Hòa ngày 03/11/2023, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo chống nắng chùm đầu, có khóa kéo bằng nhựa, trên áo có chữ GLICCI, phần lách áo 2 bên bị rách (đã được niêm phong).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Thị H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, Báo cho bị cáo; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh BG;
- CQĐT, CQTHAHS C an huyện Hiệp Hòa;
- THADS huyện Hiệp Hòa;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Người tham gia tố tụng.
- UBND TP T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Chung